

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022
nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho UBND các xã là 16.589,7 triệu đồng; trong đó, Vốn NSTW là 16.589,7 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết HDDND huyện)./.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy (b/cáo);
- TT HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa VI;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TC-KH;
- C, PCVP, TH;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Trân

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Tờ trình số 63 TT-UBND ngày 23/8/2022 của UBND huyện Sơn Tây)

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (bao gồm năm 2021 chuyển sang)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		
I	Nhà Sơn Mùa					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Dương từ nhà ông Thiệu đi Nước Ka Chín; Hàng mục: Phòng tuyến	Đường GINT loại B; L=1.000m; B nền=5m; B mặt=3,5m; B lề=1,5m; dốc ngang mặt đường i=2%; dốc ngang lề đường i=4%	2022	Nhà Sơn Mùa		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		
02	Dương từ nhà ông Minh đi nhà ông Xanh; hàng mục: Sên + mặt đường + thoát nước	Đường GINT loại B; L=600m; B nền=5m; B mặt=3,5m; B lề=1,5m; dốc ngang mặt đường i=2%; dốc ngang lề đường i=4%	2022	Nhà Sơn Mùa		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		
II	Nhà Sơn Dung					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Nâng cấp đường BTXM về Khu dân cư Màng Láng	500 m	2022	Nhà Sơn Dung		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		843,3	843,3		
02	BTXM nhà bà Bao - nhà ông Đờ	220 m	2022	Nhà Sơn Dung		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0		
III	Nhà Sơn Tinh					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Nước Kia, xã Sơn Tinh	455,5m2	2022	Nhà Sơn Tinh		643,3	643,3		643,3	643,3		643,3	643,3		643,3	643,3		643,3	643,3		
02	Xây dựng đường BTXM nhà ông Hích - ông Nghén, thôn Bà Hè, xã Sơn Tinh	350m	2022	Nhà Sơn Tinh		900,0	900,0		900,0	900,0		900,0	900,0		900,0	900,0		900,0	900,0		
03	Xây dựng Công viên cây xanh xã Sơn	275m2	2022	Nhà Sơn Tinh		300,0	300,0		300,0	300,0		300,0	300,0		300,0	300,0		300,0	300,0		
IV	Nhà Sơn Lập					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (bao gồm năm 2021 chuyển sang)				Ghi chú
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		
03	BTXM nhà ông Sa đi xóm ông Thích	Chiều dài tuyến 70m, nền đường rộng 4m, bê tông mặt đường 3m, dây 18cm, cáp phối đá dăm dày 10cm, đường cấp C	2022	thôn Ra Manh	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0	175,0			
04	Đường điện bằng năng lượng mặt trời từ cầu Nước Tang đến nhà ông Điều	Số lượng 56 bóng năng lượng mặt trời công suất 300W, lắp đặt trên 56 trụ thép mạ kẽm phi 76 x 1.4mm x 6m/cây, bê tông móng trụ M200.	2022	thôn Ra Manh	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3	256,3			
05	Đường điện bằng năng lượng mặt trời từ nhà ông Tế đến Đình Kà Rá	Số lượng 82 bóng năng lượng mặt trời công suất 300W, lắp đặt trên 82 trụ thép mạ kẽm phi 76 x 1.4mm x 6m/cây, bê tông móng trụ M200.	2022	thôn Ra Pán, thôn Miang Hin	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0	382,0			
VI	Xã Sơn Tân				1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3			
01	Trường PTĐTBT Tiểu học và THCS Sơn Tân; Hàng mục: San nền + Thoát nước	4000 m2	2022	Xã Sơn Tân	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0			
02	Kiến cơ hóa kênh mương cánh đồng Vả Leo	3,25 ha	2022	Xã Sơn Tân	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0	650,0			
03	Đường vào KDC Y Lách, thôn Tà Dò; Hàng mục: BTXM nền mặt đường + Thoát nước.	350 m	2022	Xã Sơn Tân	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3	693,3			
VII	Xã Sơn Mâu				1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3			
01	Nước sinh hoạt (Thôn Tà Vinh)	khôn 40 hộ	2022	Xã Sơn Mâu	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3	583,3			
02	Kênh mương cánh đồng Ra Oay, thôn Đăk Panh	F tưới 4,39 ha	2022	Xã Sơn Mâu	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0			
03	Kênh mương cánh đồng Tà Vó, thôn Đăk Pao	F tưới 4,39 ha	2022	Xã Sơn Mâu	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0	630,0			

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (báo gồm năm 2021 chuyển sang)				tính chủ
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh					
VIII																					
Nà Son Bùn																					
	Năng cấp sửa chữa đường NH (NJ) Mãng Lũ (K. quản Mãng Lũ)	400 hđ	2022	Nà Son Bùn	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0	800.0		
	Năng cấp sửa chữa cầu trên Ngòi Thủy (N. quản Mãng Lũ)	Nhỏ hơn 7 ha	2022	Nà Son Bùn	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0	300.0		
	Năng cấp sửa chữa hệ thống đường N. quản Mãng Lũ	Nhỏ hơn 1 km	2022	Nà Son Bùn	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3	743.3		
IX																					
Nà Son Lớn																					
	Năng cấp sửa chữa đường nội vùng K. quản TDX (N. quản TDX)	480 m	2022	Nà Son Lớn	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3	843.3		
	Năng cấp sửa chữa đường nội vùng K. quản TDX (K. quản TDX)	25 hđ	2022	Nà Son Lớn	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0		
	Năng cấp sửa chữa đường nội vùng K. quản TDX (K. quản TDX)	21 hđ	2022	Nà Son Lớn	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0	500.0		
TỔNG CỘNG:					16,589,7	16,589,7	-	16,589,7	16,589,7	-	-	-	16,589,7	16,589,7	-	-	16,589,7	16,589,7	-	-	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 30 tháng 8 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY
KHÓA VI - KỶ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn của Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và một số chương trình, dự án khác;

Căn cứ Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Xét đề nghị của UBND huyện tại Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 23/8/2022 về việc ban hành Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho UBND các xã là 16.589,7 triệu đồng; trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 16.589,7 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây Khóa VI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khoá VI;
- Các cơ quan, ban, ngành và đoàn thể huyện;
- Văn phòng huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Lê Văn Tùng**

Phụ lục
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG: XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày: / 8/2022 của HĐND huyện Sơn Lôi)

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyên sang năm 2022)			Kế hoạch vốn năm 2022			Kế hoạch vốn năm 2022 (bao gồm năm 2021 chuyển sang)			Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	
I	Xã Sơn Múa					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Đường từ nhà ông Thiệu đi Nước Ka Chưn; Hàng mục: Thông tuyến	Đường GTNT loại B; L=1.000m; B nền=5m; B mặt=3,5m; B lề=1,5m; dốc ngang mặt đường 1=2%, dốc ngang lề đường 1=4%	2022	Xã Sơn Múa		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0				1.000,0	1.000,0		
02	Đường từ nhà ông Minh đi nhà ông Xanh; hàng mục: Nền + mặt đường thoát nước	Đường GTNT loại B; L=600m; B nền=5m; B mặt=3,5m; B lề=1,5m; dốc ngang mặt đường 1=2%, dốc ngang lề đường 1=4%	2022	Xã Sơn Múa		843,3	843,3		843,3	843,3				843,3	843,3		
II	Xã Sơn Dung					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Nâng cấp đường BTXM về Khu dân cư Máng Láng	500 m	2022	Xã Sơn Dung		843,3	843,3		843,3	843,3				843,3	843,3		
02	BTXM nhà bà Bao - nhà ông Đờ	220 m	2022	Xã Sơn Dung		1.000,0	1.000,0		1.000,0	1.000,0				1.000,0	1.000,0		
III	Xã Sơn Tinh					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Mở rộng và nâng cấp Nhà Văn hóa thôn Nước Kìa, Xã Sơn Tinh	455,5m2	2022	Xã Sơn Tinh		643,3	643,3		643,3	643,3				643,3	643,3		
02	Xây dựng đường BTXM nhà ông Hiền - ông Nghien, thôn Bà Hè, xã Sơn Tinh	350m	2022	Xã Sơn Tinh		900,0	900,0		900,0	900,0				900,0	900,0		
03	Xây dựng Công viên cây xanh xã Sơn	275m2	2022	Xã Sơn Tinh		300,0	300,0		300,0	300,0				300,0	300,0		
IV	Xã Sơn Lấp					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trong hạn giao đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyên sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (bao gồm năm 2021 chuyển sang)				Chiều
					Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:						
						Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh					
01	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	2022	Đông Hưng	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0	800,0			
02	Sửa chữa tương tác bảng quảng cáo ngoài trời nước dọc Trường THPT Nguyễn Văn	Sửa chữa tương tác bảng quảng cáo ngoài trời nước dọc Trường THPT Nguyễn Văn	2022	Thị trấn Nguyễn Văn	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0			
03	Hệ thống thoát nước dọc đường từ ngã ba Trường THPT Nguyễn Văn đến nhà ông Đặng Hữu Chí thôn 7A Ngạn	Hệ thống thoát nước dọc đường từ ngã ba Trường THPT Nguyễn Văn đến nhà ông Đặng Hữu Chí thôn 7A Ngạn	2022	Thị trấn Nguyễn Văn	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3	843,3			
V	Nhà Non Lương	Nhà Non Lương			1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3	1.843,3			
04	131 XXI Đường Trưng Sơn Huyện nhà Ông Hoàng	131 XXI Đường Trưng Sơn Huyện nhà Ông Hoàng	2022	Thị trấn Nguyễn Văn	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0	230,0			

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (chuyển sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (bao gồm năm 2021 chuyển sang)				Ghi chú
					Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh		
03	BTXM nhà ông Sa đi xóm ông Thách	Chiều dài tuyến 70m, nền đường rộng 4m, bê tông mặt đường 3m, dày 18cm, cấp phối đá dăm dày 10cm, đường cấp C	2022	thôn Ra Mảnh	175,0	175,0		175,0	175,0		175,0		175,0	175,0		175,0		175,0	175,0		
04	Đường điện băng năng lượng mặt trời từ cầu Nước Tang đến nhà ông Điều	Số lượng 56 bóng năng lượng mặt trời công suất 300W, lắp đặt trên 56 trụ thép mạ kẽm phi 76 x 1.4mm x 6m/cột, bê tông móng trụ M200.	2022	thôn Ra Mảnh	256,3	256,3		256,3	256,3		256,3		256,3	256,3		256,3		256,3	256,3		
05	Đường điện băng năng lượng mặt trời từ nhà ông Tề đến Đình Ká Rá	Số lượng 82 bóng năng lượng mặt trời công suất 300W, lắp đặt trên 82 trụ thép mạ kẽm phi 76 x 1.4mm x 6m/cột, bê tông móng trụ M200.	2022	thôn Ra Pán, thôn Màng Hin	382,0	382,0		382,0	382,0		382,0		382,0	382,0		382,0		382,0	382,0		
VI	Xã Sơn Tân				1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Trường PTD/ĐT Tiểu học và THCS Sơn Tân; Hạng mục: San nền + Thoát nước	4000 m2	2022	Xã Sơn Tân	500,0	500,0		500,0	500,0		500,0		500,0	500,0		500,0		500,0	500,0		
02	Kiến cố hóa kênh mương cánh đồng Vả Leo	3,25 ha	2022	Xã Sơn Tân	650,0	650,0		650,0	650,0		650,0		650,0	650,0		650,0		650,0	650,0		
03	Đường vào KDC Y Lách, thôn Tả Dó; Hạng mục: BTXM nền mặt đường + Thoát nước.	350 m	2022	Xã Sơn Tân	693,3	693,3		693,3	693,3		693,3		693,3	693,3		693,3		693,3	693,3		
VII	Xã Sơn Mầu				1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Nước sinh hoạt (Thôn Tả Vĩnh)	khovan 40 hộ	2022	Xã Sơn Mầu	583,3	583,3		583,3	583,3		583,3		583,3	583,3		583,3		583,3	583,3		
02	Kênh mương cánh đồng Ra Oay, thôn Đak Panh	F tưới 4,39 ha	2022	Xã Sơn Mầu	630,0	630,0		630,0	630,0		630,0		630,0	630,0		630,0		630,0	630,0		
03	Kênh mương cánh đồng Tả Vó, thôn Đak Pao	F tưới 4,39 ha	2022	Xã Sơn Mầu	630,0	630,0		630,0	630,0		630,0		630,0	630,0		630,0		630,0	630,0		

TT	Địa phương	Quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Kế hoạch vốn trung hạn dài hạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2021 (báo cáo sang năm 2022)				Kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 (báo cáo năm 2021 chuyển sang)				Ghi chú
					Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh	Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách tỉnh					
VIII Xã Sơn Bua					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Nông cấp, sửa chữa mở rộng NSH KDC Mang Ta Bè, thôn Mang Ete	40 hộ	2022	Xã Sơn Bua	800,0	800,0		800,0	800,0								800,0	800,0			
02	Nông cấp, sửa chữa mở rộng Đập Thủy lợi Nước Lãng	Khối 7 ha	2022	Xã Sơn Bua	300,0	300,0		300,0	300,0								300,0	300,0			
03	Nông cấp, sửa chữa mở rộng đường K1 ở xóm dạn Vĩa	Khối 1 km	2022	Xã Sơn Bua	743,3	743,3		743,3	743,3								743,3	743,3			
IX Xã Sơn Liên					1.843,3	1.843,3	-	1.843,3	1.843,3	-	-	-	-	-	-	-	-	1.843,3	1.843,3	-	
01	Nông cấp, sửa chữa đường rải sỏi K1 ở xóm Nước Vỡ ở xóm Sầm Trại xóm	400 m	2022	Xã Sơn Liên	843,3	843,3		843,3	843,3								843,3	843,3			
02	Hai đình cũ Nước Vương (K1 xóm)	25 hộ	2022	Xã Sơn Liên	500,0	500,0		500,0	500,0								500,0	500,0			
03	Nông cấp, sửa chữa nước sinh hoạt xóm Mãng Vẽ, thôn Bĩa Xóm	21 hộ	2022	Xã Sơn Liên	500,0	500,0		500,0	500,0								500,0	500,0			
TỔNG CỘNG:					16.589,7	16.589,7	-	16.589,7	16.589,7	-	-	-	-	-	-	-	-	16.589,7	16.589,7	-	